

1. Xây dựng ma trận đề kiểm tra

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Địa lí tự nhiên	Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ (0,5 điểm)	2									5 % 0,5 điểm
		Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống (2,5 điểm)	3		1	1a	1b, 1c	1d		1	1	25,0 % 2,5 điểm
		Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên (2,5 điểm)	3		1	1a	1b, 1c	1d		1	1	25,0 % 2,5 điểm
2	Địa lí dân cư	Dân số (2,0 điểm)	2		1	1a	1b, 1c	1d			1	20,0 % 2,0 điểm
		Lao động và việc làm (2,0 điểm)	1	1	1	1a	1b, 1c	1d			1	20,0 % 2,0 điểm
		Đô thị hóa (0,5 điểm)	1	1								5 % 0,5 điểm
Tổng số câu			12 3,0đ	2 0.5đ	4 1,0đ	4 1,0đ	8 2,0đ	4 1,0đ		2 0,5đ	4 1,0đ	
Tổng số điểm			4,5đ			4,0đ			1,5đ			10 điểm
Tỉ lệ %			45 %			40 %			15 %			

Nhận biết: 18 = 4,0 điểm; Thông hiểu: 12 = 3,0 điểm; vận dụng: 12 = 3,0 điểm

2. Xây dựng đặc tả đề kiểm tra

ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÝ 12

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Đặc tả	Mức độ đánh giá									Tỉ lệ % điểm
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			
				Biết	Hiế u	VD	Biết	Hiế u	VD	Biết	Hiế u	VD	
1	Địa lí tự nhiên	Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ (1,0 điểm)	Nhận biết - Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam trên bản đồ (NL1) Thông hiểu - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng (NL1)	2									5 % 0,5 điểm
		Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống (2,75điểm)	Nhận biết - Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác. (NL1) Thông hiểu - Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống (NL1). Vận dụng - Sử dụng số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. (NL2)	3		1	1a	1b, 1c	1d		1	1	25,0 % 2,5 điểm
		Sự phân hoá đa	Nhận biết - Trình bày được đặc điểm tự	3		1	1a	1b, 1c	1d		1	1	25,0 % 2,5 điểm

		dạng của thiên nhiên (2,75 điểm)	nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. (NL1) Thông hiểu - Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao. (NL1) - Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước. (NL1) Vận dụng - Sử dụng số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta. (NL2)										
2	Địa lí dân cư	Dân số (2,0 điểm)	Nhận biết - Trình bày được đặc điểm dân số nước ta (NL1). Thông hiểu - Phân tích được các thể mạnh và hạn chế về dân số (NL2) - Nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số. (NL2) Vận dụng - Sử dụng số liệu thống kê nhận xét, giải thích về đặc điểm dân số Việt Nam (NL2). - Liên hệ được một số vấn đề dân số ở địa phương (NL3). - Giải thích được một số vấn đề thực tế liên quan đến dân số nước ta (NL1).	2		1	1a	1b, 1c	1d			1	20,0 % 2,0 điểm

			giải thích về đô thị hoá ở nước ta.										
Tổng số câu				12 3,0đ	2 0,5đ	4 1,0đ	4 1,0đ	8 2,0đ	4 1,0đ		2 0,5đ	4 1,0đ	
Tổng số điểm				4,5đ			4,0đ			1,5đ			
Tỉ lệ %				45 %			40 %			15 %			

1. NL 1: Nhận thức khoa học địa lí; NL2: Tìm hiểu địa lí; NL 3: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học
2. Mức độ: Biết: 16 câu và ý = 4,0 điểm; Thông hiểu: 12 câu và ý = 3,0 điểm; Vận dụng: 12 câu và ý = 3,0 điểm

MA TRẬN ĐÃ ĐƯỢC GIÁO VIÊN TRONG NHÓM ĐỊA LÍ THỐNG NHẤT

- 1. Nguyễn Thị Chót
- 2. Nguyễn Khánh Chi
- 3. Phan Thị Trúc Linh

Vĩnh Long , ngày 13 tháng 10 năm 2025

TỔ TRƯỞNG.

Người soạn

Nguyễn Thị Chót

Nguyễn Khánh Chi